TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2026
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Hiền

Ông Hoàng Văn Xuyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 và thụ lý bổ sung số: 17^{A}/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2026 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn Ch, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn B, xã Tr, tỉnh L. Căn cước công dân số: 020089001478, cấp ngày 14/4/2021, nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Có mặt

- Bị đơn: Nông Thị T, sinh năm 1990. Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã Tr, tỉnh L. Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Tr, tỉnh L. Căn cước công dân số: 020190001944, ngày cấp 16/4/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Nông Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B có quen biết, tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện

V, tỉnh L cũ, nay là Tr, tỉnh L. Sau khi kết hôn chị Hoàng Thị B về chung sống với gia đình anh Ch tại thôn Bản R, xã Tr, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Hoàng Thị B đi bẻ vải thuê ở Bắc G, anh phát hiện chị hay nhắn tin ngoại tình với người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình, việc này cũng được con gái anh phát hiện và thông báo cho anh biết nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Năm 2024 sau khi sinh con chị Hoàng Thị B nhiều lần bế con bỏ đi khỏi nhà nhưng đi đâu không ai biết, thỉnh thoảng có về nhà nhưng không quan tâm gia đình, từ tháng 10/2025 chị Hoàng Thị B không về nhà nữa, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị B

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là Nông Thị Kim H, sinh ngày 16/6/2010 và Nông Thị T, sinh ngày 21/01/2024. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Thị Kim H đến 18 tuổi. Chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Thị T đến 18 tuổi. Hai bên không cần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện Anh Nông Văn Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Đối với yêu cầu của chị Hoàng Thị B yêu cầu được chia 01 con trâu và 1,5 chỉ vàng, anh cho biết năm 2009 khi vợ chồng tổ chức lễ cưới thì mẹ đẻ chị Hoàng Thị B đeo cho chị Hoàng Thị B một đôi bông tai bằng vàng (khoảng 1,5 chỉ), thời điểm đó một chỉ vàng trị giá 3.000.000 đồng (1,5 chỉ vàng trị giá 4.500.000 đồng). Chị Hoàng Thị B tự giữ đôi bông tai này và bán đi sử dụng vào việc gì anh không biết. Năm 2018 vợ chồng anh có mua 01 con trâu nghé với mẹ đẻ chị Hoàng Thị B với giá 5.000.000 đồng với (không phải bố, mẹ cho vợ chồng như chị Hoàng Thị B trình bày). Năm 2020 gia đình khó khăn nên vợ chồng đã thống nhất bán con trâu này cho một thương lái người ở dưới xuôi lên tìm mua trâu (không biết họ tên, địa chỉ ở đâu) được số tiền 12.000.000 đồng, vợ chồng anh đã chi tiêu hết số tiền này cho gia đình. Hiện nay số vàng và con trâu không còn, tuy nhiên nếu chị Hoàng Thị B yêu cầu anh trả số tiền 22.000.000 đồng thì anh cũng đồng ý.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hoàng Thị B trình bày về quan hệ hôn nhân giống với lời khai của Anh Nông Văn Ch. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại thôn Bản R, xã Tr, thời gian đầu sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên mâu thuẫn phát sinh từ năm 2021, lý do Anh Nông Văn Ch có tính hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị ngoại tình, chị có giải thích thì Anh Nông Văn Ch không nghe, mỗi lần uống rượu say về lại chửi bới đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà, thậm chí có lần chị bị anh Nông Văn Ch đánh đến chảy máu, tuy nhiên những lần bị đánh chị không báo chính quyền địa phương và Công an. Đến tháng 10/2025 chị về bên ngoại ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì các con nên chị cố gắng chịu đựng, do vậy Anh Nông Văn Ch yêu cầu ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nông Thị Kim H, sinh ngày

16/6/2010 và Nông Thị T, sinh ngày 21/01/2024. Nếu phải ly hôn chị yêu cầu để cho Anh Nông Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục Nông Thị Kim H, chị trực tiếp nuôi dưỡng Nông Thị T đến khi con 18 tuổi. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Năm 2009 khi chị kết hôn với Anh Nông Văn Ch, mẹ đẻ chị là bà Hoàng Thị Ư có cho 01 con trâu nhỏ và 1,5 chỉ vàng. Năm 2022 Anh Nông Văn Ch bán cả trâu và vàng lấy tiền về để sửa nhà sàn cho bố mẹ, nhưng bán cho ai, được bao nhiêu tiền chị không biết. Giá trị 01 chỉ vàng khi bán khoảng 4.000.000 đồng/1 chỉ; 1,5 chỉ có giá 6.000.000 đồng và giá trị 01 con trâu khi bán khoảng 16.000.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu Anh Nông Văn Ch trả cho chị giá trị 1,5 chỉ vàng và 01 con trâu với tổng số tiền là 22.000.000 đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 08/4/2026 bà Hoàng Thị Ư là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị Bcung cấp thông tin Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B kết hôn từ năm 2010. Từ khi kết hôn, các con có cuộc sống hạnh phúc trong một thời gian đầu, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Có lần Anh Nông Văn Ch đánh chị Hoàng Thị B chảy máu mũi, nhưng chị Hoàng Thị B vẫn nhẫn nhịn, chịu đựng. Nhiều lần Anh Nông Văn Ch đuổi đánh chị Hoàng Thị Bnhưng bà không nhớ rõ thời gian cụ thể. Do không chịu đựng được nên chị Hoàng Thị B đi làm công ty không dám về nhà Anh Nông Văn Ch. Tuy vậy bà vẫn mong muốn các con đoàn tụ để cùng chăm sóc, nuôi dạy các cháu. Nếu Anh Nông Văn Ch vẫn kiên quyết ly hôn chị Hoàng Thị B thì do các con quyết định. Về yêu cầu chia tài sản chung của chị Hoàng Thị B đối với một con trâu và 1,5 chỉ vàng bà có ý kiến như sau: Khi các con kết hôn, bà có cho chị Hoàng Thị B 01 con trâu mang về nhà chồng làm vốn. Sau đó các con đã bán đi nhưng bán để làm gì bà không biết. Đối với 1,5 chỉ vàng là do bà đeo cho con gái khi đi lấy chồng. Các con đã sử dụng vào việc gì bà không nắm được. Đối với con trâu và 1,5 chỉ vàng này, bà đã cho các con nên nay bà không có yêu cầu gì. Đối với các cháu Nông Thị Kim H và Nông Thị T là con của Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B, hiện nay cháu lớn đang ở với Anh Nông Văn Ch, cháu nhỏ ở với chị Hoàng Thị B, được bảo đảm có chỗ ở và cuộc sống ổn định. Trường hợp các con ly hôn, chị Hoàng Thị Bđược nuôi con thì bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ trong việc chăm sóc cháu Nông Thị T để đảm bảo cho cháu phát triển về mọi mặt trong cuộc sống cũng như trong học tập.

Tại công văn số 180/UBND-VP ngày 11/02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tr, tỉnh L cung cấp thông tin Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tri Lễ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Tri Lễ, tỉnh Lạng Sơn) từ ngày 27/01/2010. Sau khi kết hôn Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị Bchung sống với nhau tại Thôn B, xã Tr, tỉnh L. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025. Hiện nay cháu Nông Thị Kim H đang sống với Anh Nông Văn Ch, cháu Nông Thị T sống với chị Hoàng Thị B, đảm bảo điều kiện sinh sống và học tập, không bị ngược đãi. Hiện nay Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B không có con chung nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Nông Thị Kim H Bắc Giang trình bày ý kiến nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố là Nông Văn Ch.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/5/2026 để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị Hoàng Thị B vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai đương sự, ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên, xác minh tại địa phương, giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Việc ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không phát sinh vi phạm thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nông Văn Ch; cho Anh Nông Văn Ch được ly hôn với chị Hoàng Thị B

Về con chung: Giao cháu Nông Thị Kim H, sinh ngày 16/6/2010 cho Anh Nông Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nông Thị T, sinh ngày 21/01/2024 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung: chị Hoàng Thị B yêu cầu Anh Nông Văn Ch thanh toán giá trị 01 con trâu và 1,5 chỉ vàng với tổng số tiền 22.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B đã tự nguyện thỏa thuận, Anh Nông Văn Ch có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thị B số tiền 22.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không xem xét do đương sự trình bày không có.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Anh Nông Văn Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị Bcó yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn"* theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Thôn B, xã Tr, tỉnh L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 27/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L (nay là xã T Lễ, tỉnh L), nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo Anh Nông Văn Ch, nguyên nhân mâu thuẫn do chị Hoàng Thị B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác; theo chị Hoàng Thị B, nguyên nhân mâu thuẫn do Anh Nông Văn Ch thường xuyên ghen tuông, chửi bới và đánh đập chị. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn được các bên trình bày khác nhau nhưng đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Từ tháng 10/2025 đến nay, Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các bên đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Chị Hoàng Thị B mặc dù không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, chính chị cũng thừa nhận giữa hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã trong thời gian chung sống. Đồng thời, Anh Nông Văn Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nông Văn Ch, cho Anh Nông Văn Ch được ly hôn với chị Hoàng Thị B

[4] Về con chung: Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B có 02 người con chung là Nông Thị Kim H, sinh ngày 16/6/2010 và cháu Nông Thị T, sinh ngày 21/01/2024. Anh Nông Văn Ch yêu cầu được nuôi cháu Nông Thị Kim H, để chị Hoàng Thị B nuôi cháu Hoàng Thị Tâm. Xét thấy, hiện nay cháu Nông Thị Kim H đang ở với Anh Nông Văn Ch, cháu có nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố là Nông Văn Ch. Do vậy, cần giao cháu Nông Thị Kim H cho Anh Nông Văn Ch được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu Nông Thị T hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay được chị Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện đang sinh sống ổn định cùng mẹ tại gia đình bà Hoàng Thị Ư (là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị B), cháu được chăm sóc, đảm bảo điều kiện học hành đầy đủ, không bị ngược đãi. Bà Hoàng Thị Ư cũng tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ cho chị Hoàng Thị Bđược sinh sống ổn định, chăm

sóc nuôi dưỡng cháu. Do đó, cần giao cho chị Hoàng Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Thị T cũng là phù hợp khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng không xem xét giải quyết. Trường hợp các đương sự có yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về yêu cầu chia tài sản chung: Chị Hoàng Thị B yêu cầu Anh Nông Văn Ch thanh toán giá trị 01 con trâu và 1,5 chỉ vàng với tổng số tiền 22.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án xác định, khi Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị Bkết hôn, bà Hoàng Thị Ư (mẹ đẻ chị Hoàng Thị B) có cho vợ chồng 01 con trâu và 1,5 chỉ vàng để làm vốn làm ăn. Đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và đã được các bên bán trong thời gian còn chung sống với nhau. Nay chị Hoàng Thị B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Anh Nông Văn Ch sử dụng số tiền bán tài sản vào mục đích riêng hoặc hiện nay còn quản lý, chiếm hữu số tiền này. Đồng thời, tài sản không còn tồn tại nên không có căn cứ xác định giá trị thực tế tại thời điểm bán để xem xét giải quyết theo yêu cầu của chị Hoàng Thị B Tuy nhiên, tại phiên tòa Anh Nông Văn Ch tự nguyện đồng ý thanh toán cho chị Hoàng Thị Bsố tiền 22.000.000 đồng tương ứng giá trị 01 con trâu và 1,5 chỉ vàng. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận. Đối với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chị Hoàng Thị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Hai bên đều trình bày không có nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nông Văn Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Hoàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản được hưởng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã vung III, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho Anh Nông Văn Ch; miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; khoản 1 Điều 59; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Anh Nông Văn Ch được ly hôn chị Hoàng Thị B

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Kim H, sinh ngày 16/6/2010 cho Anh Nông Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nông Thị T, sinh ngày 21/01/2024 cho chị Hoàng Thị Btrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của Anh Nông Văn Ch và chị Hoàng Thị B Anh Nông Văn Ch có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thị B giá trị 01 con trâu và 1,5 chỉ vàng, tương ứng với số tiền 22.000.000 đồng *(Hai mươi hai triệu đồng chẵn).* Trường hợp chậm thi hành khoản tiền trên Anh Nông Văn Ch không phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành.

4. Về án phí: Anh Nông Văn Ch được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Hoàng Thị Bđược miễn án phí dân sự có giá ngạch. Trả lại cho Anh Nông Văn Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000236 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Tri Lễ, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước